TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp đất đai"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Văn bản uỷ quyền ngày 26/7/2023).

- *Bị đơn:*

1. Ông Diệp Thanh H, sinh năm 1967

2. Ông Diệp Thanh H1, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Diệp Thanh H.

Tại phiên toà, có mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S trình bày:

Từ trước năm 1975, gia đình ông bà có một thửa đất nông nghiệp tại khu vực bờ sông xã H (thửa đất này có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không bị tranh chấp), tiếp giáp với thửa đất này là thửa đất hoang, trên thửa đất hoang này có nhiều cây bụi và mồ mả nhưng đã được hốt cốt dời đi. Năm 2003, vợ chồng ông bà thuê xe san ủi mặt bằng rồi trồng đậu. Năm 2007, không trồng đậu nữa mà trồng cây bạch đàn (cây keo tràm), ông bà quản lý sử dụng đến năm 2009 thì đăng ký kê khai và được cấp có thẩm quyền quy chủ cho vợ chồng ông bà. Tháng 6/2018, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 263225 ngày 07/6/2018 tại thửa số 16, tờ bản đồ số 28, với diện tích 1.412m^2 cho vợ chồng ông bà. Khi ông bà phân lô bán nền cho người khác xây nhà thì anh em ông Diệp Thanh H và ông Diệp Thanh H1 có hành vi ngăn cản ông bà thực hiện quyền sử dụng đất.

Nay ông bà yêu cầu ông Diệp Thanh H1 và ông Diệp Thanh H chấm dứt hành vi ngăn cản ông bà thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Bị đơn ông Diệp Thanh H và ông Diệp Thanh H1 trình bày:

Thửa đất vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S tranh chấp với anh em ông, có nguồn gốc là đất mồ mả của một gia đình ở xã P, huyện B, trên đất có hai ngôi mộ. Khi họ dời mả đi chỗ khác thì mạnh ai nấy chiếm, bà L chiếm một phần, anh em ông mỗi người chiếm một phần. Anh em ông chiếm gần 20 năm nay, các ông trồng cây bạch đàn và đậu phộng, do bà L có đất tiếp giáp với phần đất bà chiếm nên mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoảng năm 2007, các ông có khiếu nại vợ chồng bà L đến Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H giải quyết không công nhận cho ai cả, vì cho rằng đất hoang hóa do Nhà nước quản lý, các bên khai hoang nên tạm giao cho các bên sử dụng, khi nào Nhà nước có nhu cầu thì thu hồi. Đến năm 2017, bà L phân lô bán nền, các ông có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T thì Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị các bên tự thương lượng giải quyết. Đến năm 2018, không rõ vì sao vợ chồng bà L, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm cả phần đất của anh em các ông.

Ông Diệp Thanh H có đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 263225 ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho vợ chồng bà L, ông S.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị B trình bày:

Thửa đất vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S tranh chấp với anh em ông Diệp Thanh H, ông Diệp Thanh H1 theo bà biết có nguồn gốc là đất

mồ mả của cô bà từ trước năm 1975, trên đất có hai ngôi mộ. Đến năm 1978, gia đình cô bà dời mả đi chỗ khác còn đất thì bỏ hoang. Khoảng năm 2006, bà L trồng cây keo trên đất này, đến khi có giấy chứng nhận thì bà L chặt cây và phân lô bán nền. Bà cũng mua của bà L một lô đất, khi bà xây nhà thì anh em ông H, ông H1 đến ngăn cản, báo chính quyền nên bà không được phép xây dựng. Bà phải cho ông H vài triệu đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 02/2022/QĐ-SCBSBA ngày 03/10/2022) đã quyết định:

Căn cứ vào: - Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S đối với ông Diệp Thanh H và ông Diệp Thanh H1 về việc *"Tranh chấp đất đai"*. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Diệp Thanh H đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S về *"Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Buộc ông Diệp Thanh H và ông Diệp Thanh H1 phải chấm dứt hành vi ngăn cản bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 1.412m^2 tại thửa số 16, tờ bản đồ số 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 263225 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022, bị đơn ông Diệp Thanh H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Diệp Thanh H giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng nguyên đơn.

- Ông Diệp Thanh H1 thống nhất ý kiến của ông H.

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Diệp Thanh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong và buộc người kháng cáo ông Diệp Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn ông Diệp Thanh H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.412m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 263225 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 07/6/2018 là do ông cùng với ông Diệp Thanh H1 khai hoang và sử dụng hơn 20 năm nay. Tuy nhiên, ông H không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh quyền sử dụng hợp pháp thửa đất này là của anh em ông. Mặt khác, theo lời khai của ông H và ông H1 thì từ trước đến nay, các ông cũng không đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ tài chính gì đối với Nhà nước liên quan đến thửa đất này.

[2] Trong khi đó, theo cán bộ địa chính xã thì thửa đất nêu trên là do vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S khai hoang. Quá trình khai hoang, sử dụng, vợ chồng bà L, ông S đăng ký kê khai với chính quyền địa phương và đến ngày 07/6/2018 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 263225.

[3] Ông H và ông H1 cho rằng thửa đất này các ông đã tranh chấp với vợ chồng bà L, ông S vào các năm 2007 và 2017, nên năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà L, ông S là không đúng. Vấn đề này Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Công văn số 893/UBND-NC ngày 20/4/2022, Ủy ban nhân dân huyện T đã khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận cho vợ chồng bà L, ông S là đúng theo quy định của pháp luật đất đai và qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại địa phương không có giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai giữa ông Diệp Thanh H với vợ chồng bà L, ông S vào các năm 2007, 2017 như ông H và ông H1 khai.

[4] Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà L, ông S, buộc ông H và ông H1 chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.412m^2 mà vợ chồng bà L, ông S được

Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 263225 ngày 07/6/2018 và không chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận này của bị đơn ông Diệp Thanh H là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Do đó, kháng cáo của ông Diệp Thanh H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Diệp Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Diệp Thanh H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 02/2022/QĐ-SCBSBA ngày 03/10/2022) của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S: Buộc ông Diệp Thanh H và ông Diệp Thanh H1 chấm dứt hành vi ngăn cản vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.412m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 263225 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S ngày 07/6/2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Diệp Thanh H đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 263225 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S ngày 07/6/2018.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Diệp Thanh H và ông Diệp Thanh H1 mỗi người phải hoàn trả lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Diệp Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Diệp Thanh H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 1.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông Diệp Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0026295 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; Hoàn lại cho ông Diệp Thanh H 700.000 đồng *(Bảy trăm nghìn đồng)*.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Diệp Thanh H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Diệp Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0012167 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; Ông Diệp Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện T.Phong;
- VKSND huyện T.Phong;
- Chi cục THADS huyện T.Phong;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái